

Số 1646

# LUẬN THÀNH THẬT

*Trước tác: Ha Lê Bạt Ma*

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam Tạng Pháp sư Cầu Ma La Thập*

## QUYỂN 1

### LUẬN PHÁT TỰ TRUNG PHẬT BẢO

#### *Phẩm 1: SỞ CỤ TỨC*

*Trước lễ bậc đáng lễ:*

*Đấng Chánh trí tự nhiên,*

*Ứng cúng, Nhất thiết trí,*

*Đại sư lợi ích đời.*

*Cũng lễ pháp chơn tịnh,*

*Cùng các đệ tử Phật.*

*Muốn giải lời Phật dạy,*

*Lợi ích cho thế gian,*

*Luận đúng theo Khế kinh,*

*Chẳng trái tướng pháp thật,*

*Khéo nhập trong vắng lặng,*

*Gọi là Luận chánh trí.*

*Như mặt trời, mặt trăng,*

*Tánh chúng vốn sáng trong.*

*Các khói mây, bụi mù,*

*Năm loại che không hiện.*

Tà luận che chánh kinh,  
 Nghĩa kinh không sáng tỏ.  
 Do chánh nghĩa không rõ,  
 Cửa tà trí ắt mở,  
 Tội cậy tiếng ác đồn,  
 Tâm hối cải mệt mỏi.  
 Ray rút này loạn tâm,  
 Đều do trí tà sinh  
 Nếu ai muốn trừ diệt,  
 Tội ác và não hại,  
 Vì cầu luận chân chánh,  
 Nên gần bậc trí cao.  
 Thân gần bậc trí ấy,  
 Là cội gốc chính luận.  
 Vì nhờ chính luận này,  
 Phát sinh các phước thiện.  
 Dù người có trí lanh,  
 Tụng trăm ngàn tà luận  
 Với chúng chẳng được gì!  
 Gọi là biện tài giỏi:  
 Hiểu pháp Phật đệ nhất,  
 Thuyết giảng được an lạc,  
 Muốn chánh pháp lâu dài,  
 Chẳng vì các tiếng khen.  
 Học nhiều các luận khác,  
 Biết hết ý bậc trí,  
 Muốn tạo luận Thành Thật.  
 Chỉ (bậc) Nhất thiết trí biết  
 Các Tỳ-kheo dị luận,  
 Tất cả, Phật đều cho.  
 Vì tôi muốn chánh luận,  
 Nghĩa thật trong Tam Tạng.  
 Bây giờ, giảng về luận này.

Hỏi: Hôm nay con biết Ngài giảng giải về Luận Thành Thật. Trước ngài đã dạy: Trước “lẽ bậc đáng lẽ”, đó là Đức Phật? Vì sao gọi là Phật? Và đã thành tựu những công đức gì để xứng đáng được đánh lẽ?

Đáp: Đức Phật gọi là bậc Tự Nhiên, dùng Nhất thiết chủng trí, biết

được tự tướng khác nhau của các pháp; trừ bỏ tất cả điều ác, huân tập hết thảy đều lành, thường cầu lợi ích cho hết thảy chúng sinh; do đó gọi là Phật. Lời nói ra để giáo hóa gọi là Pháp. Những ai thực hành pháp này, gọi là Tăng. Tam bảo có công đức như vậy, là nơi đáng đánh lễ. Hôm nay, tôi sẽ nói Đức Phật có đầy đủ năm phẩm công đức nên được trời, người thế gian cung kính.

Hỏi: Các Thánh nhân khác, cũng có năm phẩm công đức như Phật, khác điều gì?

Đáp: Năm phẩm pháp công đức của Phật thì hoàn toàn thanh tịnh. Vì sao? Vì các nghiệp ở thân, khẩu, ý không có lầm lẫn, Giới phẩm đầy đủ: Đức Phật không còn sai lầm phạm phải các giới cấm, hướng gì cố tình phạm! Đức Phật từ lâu, đã tích chứa lòng từ bi, nên tâm ác không phát sinh được. Như trong kinh dạy: Đức Phật bảo A-nan: Nếu có người tu tập lòng từ, khi còn nhỏ, thì tâm ác có thể sinh khởi được không? A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Không thể! Đức Phật đã tích tập tính thiện nhiều đời, chẳng vì sợ tiếng đồn, mà phải tự giữ giới cấm! Vô lượng Đức Phật ở khắp nơi, đã từ lâu, tu hành giới hạnh, nhỏ sạch gốc ba độc, vĩnh viễn không còn tập khí sót lậu. Do những duyên này, nên Giới phẩm đầy đủ.

Định phẩm đầy đủ là, Đức Phật nhờ Định này, nên được Nhất thiết trí. Do vậy mà biết là Định phẩm đầy đủ. Ví như dầu nhiều, tim đèn lớn, thì ánh sáng cũng lớn. Lại nữa, Định của Phật bền chắc như sơn, sơn vào gỗ cây. Còn thiền định của người khác, như hoa nổi trên nước, chẳng dừng được lâu. Thiền định của Đức Phật, ở trong vô lượng kiếp, tuần tự mới thành tựu, nên được đầy đủ. Định của Như Lai, không dựa vào các duyên như người, hoặc xứ, hoặc thuyết pháp mới thành tựu; còn các người khác thì không như vậy. Lại nữa, Định của Như Lai thường tu tập sâu xa, như tự mình giữ lấy để nhớ hoài không quên. Đức Phật khi vào thiền định chẳng gắng thêm tâm, lực. Ví như người, ở tại vùng nào, thì nói tiếng ở vùng đó dễ dàng, không khó, Đức Phật ở trong Thiền Định, cũng lại như thế. Cho nên nói: Như Lai thường ở trong Tam muội, với các pháp phá hoại thiền định, đại hoan hỷ v.v... Phật đều khéo đoạn trừ. Quả báo Thiền Định, từ lâu đạt được thần thông tự tại, bậc nhất trên hết. Dùng thần thông như ý ở trong khoảnh khắc, một niệm, có khả năng qua đến vô lượng thế giới mười phương, tất cả việc làm tùy ý thực hành đều hoàn thành ngay; đối với các sự biến hóa, tự tại vô ngại, tâm có thể hiện khắp tất cả pháp. Các chúng sinh khác, không ai có thể sánh kịp. Đức Phật thành tựu pháp Thánh tự tại, đối với sự vui thích mà sinh

tưởng chẳng vui; đối với điều chẳng vui, có thể sinh tưởng an vui, đối với điều vui hoặc chẳng vui, có thể sinh tưởng xả.

Hỏi: Đối với điều không vui, có thể sinh tưởng xả; vì sao trong đó mà có khả năng sinh tưởng vui?

Đáp: Vì khéo tu tâm, nên đối với pháp chẳng vui, như ác khẩu v.v... chẳng bị chướng ngại. Còn các thần thông khác, như thiên nhãn, thiên nhĩ, tri tha tâm, trí túc mạng thông, cũng không bị chướng ngại; vì nhờ sức thiền định mà thần thông không chướng ngại đối với các loại Thiền định, đều thông đạt rõ ràng. Còn các chúng sinh khác, chẳng nghe đến tên, chỉ có Như Lai ra vào vô ngại. Thiền định của Phật, còn gọi là lực, như đã giảng nói trong mười lực, người khác không có. Cho nên Như Lai đầy đủ Định phẩm.

Tuệ phẩm đầy đủ là: Có hai loại vô minh: Một là chướng ngại thiền định, hai là sinh khởi phiền não, Như Lai đều diệt trừ, vì đoạn trừ pháp chống trái nhau, nên Tuệ phẩm đầy đủ. Lại được pháp tự nhiên, chẳng nghe từ người khác mà được; đối với ngôn từ, khéo biết nghĩa chính, biện tài vô tận, trí tuệ không cùng. Lại nữa, những chúng sinh khác không thể đầy đủ các kỹ thuật chỉ có Đức Phật mới biết rõ tất cả không có giảm thiểu; cho nên Tuệ phẩm của Như Lai đầy đủ. Lại pháp của Phật thuyết ra thật khéo diễn đạt nghĩa chính, người trí kém, khác có nói ra điều gì, cũng đều có lỗi, chỉ có lời nói của Như Lai là không có lỗi. Cho nên, Tuệ phẩm của Như Lai là đầy đủ. Do vô lượng công đức thành tựu được trí tuệ này, cho nên mới được đầy đủ. Như Lai thuyết giảng pháp vi diệu, không có lầm lẫn, như pháp quán bất tịnh, là để diệt trừ dâm dục..., lại do trí tuệ thù thắng, nên oai nghi cũng thù thắng. Do các duyên ấy, nên Tuệ phẩm đầy đủ.

Giải thoát phẩm đầy đủ: Đối với hai thứ vô minh, tâm đều giải thoát, không còn các tập khí, mãi mãi không thoái chuyển. Như vậy, gọi là giải thoát đầy đủ.

Giải thoát tri kiến phẩm đầy đủ: có khả năng trừ bỏ tất cả sự trói buộc trong đạo, mỗi niệm đều biết rõ. Như người chặt cây, tay cầm cán búa, là người có trí, biết cán búa mòn dần, Đức Phật cũng vậy, với trí tuệ, đoạn trừ các sự trói buộc, mỗi niệm đều phân biệt rõ ràng. Lại biết trong tâm sâu xa của chúng sinh, ưa nghĩ những gì, để thuyết pháp đúng như ý họ, khiến họ được giải thoát; vì thế, đối chúng sinh trong hết thủy đạo giải thoát đều thấy biết đầy đủ.

Lại nữa, Phật Thế Tôn biết đúng thời nói pháp, như Phạm chí Khổng-cù-lô v.v... Như Lai khéo biết rõ sự khác nhau của các pháp, nên

vì người như vậy mà thuyết pháp như vậy. Như Đức Phật dạy A-nan: Nên vì Xa Nặc, nói Kinh Ly Hữu Vô. Vì thế, Như Lai khéo biết pháp giải thoát, lại khéo dùng phương tiện, diệt trừ cấu uế của chúng sinh. Ví như với ngài Nan-đà thì lấy dục đoạn trừ dục. Như Lai lại còn biết trước các căn tín, tấn... của chúng sinh, đã thuần thực, sau đó mới thuyết pháp, như trường hợp với ngài La-hầu-la. Lại có chúng sinh, bị nghiệp báo chướng ngại, không thể giải thoát, Đức Phật có thể khiến cho họ diệt trừ hết, rồi sau đó mới thuyết pháp. Lại có chúng sinh, đợi thời mới lậu tận, như trong kinh Phu Phụ dạy. Lại có chúng sinh phải chờ đợi người mới lậu tận, như Ngài Xá-lợi-phất, chờ ông A-thuyết-kỳ. Lại có chúng sinh chờ ở xứ mới lậu tận, như vua Phất-ca-sa. Còn có chúng sinh chờ bạn mới lậu tận như Phóng-ngưu Nan-đà, đợi người cùng thôn A-do-đà. Lại có chúng sinh đợi gặp chân thân của Phật, lại có người đợi hóa thân mới được lậu tận. Đức Phật đều phân biệt và biết rõ rồi mới thuyết pháp, khiến cho họ được giải thoát. Đức Phật thuyết giảng nhiều pháp vi diệu, có khả năng diệt trừ tất cả chướng ngại, pháp giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến đầy đủ. Lại, Đức Phật thuyết pháp khéo diễn đạt nghĩa chính, chẳng nói nghĩa, sai và những việc không có quả báo. Như Lai tuần tự có thứ lớp, giảng giải đạo giải thoát, như là bài học toán, nên hiểu rất dễ dàng. Đức Phật biết rõ chúng sinh đã gieo trồng thiện căn đời trước, nên theo đó mà tuần tự thuyết pháp. Đức Phật hiện chứng được giải thoát rồi vì người mà thuyết pháp, chẳng phải học hỏi từ người khác. Pháp Phật có đầy đủ nhiều phương pháp hay, như có nhiều thuốc đầy đủ, chữa lành nhiều bệnh. Pháp Phật cũng như vậy, dùng nhiều pháp môn để chữa trị, diệt trừ các phiền não, ví như dùng cửu tửng để trị tội lớn nhỏ của các kiết, khiến chúng không thể quay lại hại. Cho nên, Phật có đầy đủ khả năng diệt trừ tất cả phiền não. Lại dùng phương tiện vô thượng để cứu độ chúng sinh, hoặc dùng lời nói hòa nhã, hoặc dùng lời nói cứng rắn, hoặc có khi vừa dùng cả lời nói hòa nhã và cứng rắn. Vì thế, Đức Như Lai là bậc giải thoát tri kiến hoàn toàn.

-----

## Phẩm 2: THẬP LỰC

Lại nữa, Đức Phật thành tựu được mười lực, nên trí tuệ đầy đủ, vì nhìn lại nhân duyên, nên thuyết giảng mười lực. Một là xứ phi xứ trí lực. Nghĩa là, trí tuệ quyết định trong nhân quả, biết được từ nhân này sẽ sinh ra quả báo kia, như làm việc xấu ác, chắc chắn chịu quả báo khổ, không thể sinh quả báo vui. Gọi “Thị xứ” tức là có điều đúng này. Gọi “Phi xứ” là không có điều đúng này. Lực thứ nhất này là căn bản của các lực sau.

Hỏi: Thế gian cũng biết nhân quả thị xứ phi xứ. Như từ cây ngô sinh cây ngô chẳng sinh lúa?

Đáp: Lực của xứ phi xứ biết pháp thiện v.v... nên gọi lực này là sâu xa thứ nhất, sự biết của trời, người không thể sánh kịp. Lực này còn biết rõ nhân sinh ra các pháp tuần tự theo duyên mà tăng trưởng. Cho nên, lực này gọi là vi diệu; nghĩa là biết các nghiệp và các pháp thọ của ba đời. Biết xứ, biết sự, biết nguyên nhân, biết quả báo. Vì thế, trí này gọi là lực. Vì biết xứ, sự, nhân, báo của ba đời, nên gọi là sâu xa. Vì sao? Vì có người cho rằng, quá khứ, vị lai không có pháp nào, Đức Phật đối với đây nói được nên là có lực, pháp ở trong đời quá khứ, vị lai, tuy không hiện tướng nhưng Đức Phật cũng biết như hiện thấy.

Lại nữa, nghiệp có hai thứ: Thiện và bất thiện; hoặc có nghiệp thiện, mà hiện tại chịu khổ, như vì trì giới, mà chịu các khổ não; hoặc tạo nghiệp tội, mà hiện tại được an vui, như vì phá giới, mà được tự tại; hoặc có người sinh nghi ngờ, cho đời vị lai cũng như ở hiện tại. Cho nên, Như Lai tiếp theo nghiệp nói đến thọ. Pháp thọ có bốn loại: Có trường hợp hiện tại bị khổ, sau được an vui; có trường hợp hiện tại an lạc, sau chịu khổ; có trường hợp hiện tại được an lạc, sau cũng được an lạc, có trường hợp hiện tại chịu khổ, về sau vẫn bị khổ. Đức Phật đều hiểu rõ xứ, sự, nhân, báo. Xứ tức là người lãnh thọ. Sự tức là vật bố thí, Nhân tức là tâm của người ban cho. Như trong kinh dạy: “Trước tiên tâm hoan hỷ, lúc bố thí, tâm thanh tịnh, bố thí rồi, không hối tiếc, nghiệp này được quả, gọi là báo. Chỉ có năng lực Đức Phật mới biết nghiệp này nhiều, ít; quyết định hay không quyết định; quả báo sinh ở hiện tại hay quả báo sinh thế gian sau; hết thấy Đức Phật đều biết rõ, nên gọi là lực. Đức Phật đối với các Thiền Tam muội giải thoát, Tam-ma-bạt-đề, biết cấu uế, biết an trú, biết tăng trưởng, biết bất tịnh; ở trong nghĩa này, Thiền gọi là bốn thiền, bốn định vô sắc, tức là nghiệp của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Giải thoát gọi là tám thứ giải thoát, có năng lực dứt trừ các

nghiệp; Thiên, định vô sắc Tám thứ giải thoát, gọi là Tam muội, được Tam muội này, dùng ngay trong hiện tại, gọi Tam-ma-bạt-đề. Phân tích Tam-ma-bạt-đề thì có bốn loại: Tùy cấu, tùy trú, tùy tăng, tùy tịnh. Biết cấu là tùy cấu định; biết trú là tùy trú định; biết tăng là tùy tăng định; biết tịnh là tùy đạt định. Tùy đạt định là bốn pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn v.v.... Đức Phật đều biết rõ các pháp này, nên gọi là lực. Đức Phật biết rất rõ các căn lành lợi hoặc chậm lụt của chúng sinh. Các căn tín, tấn... thù thắng, nên gọi là lành lợi, như chư Phật. Các căn chậm lụt gọi là không bắt kịp như Xà-nô..., không có trung căn, vì chẳng xác định. Lợi căn cũng có giới hạn, như chư Phật. Căn chậm lụt cũng có giới hạn, như Xà-nô. Trung căn không có giới hạn, nên không thể thuyết giảng về trung căn.

Lại nữa, đạo có hai loại: Tín hành và pháp hành. Lại có hai loại đạo nữa: Nan đạo và dị đạo. Khác hai loại đạo này, gọi là trung. Quán người lành lợi, chậm lụt gọi là bậc trung, lại tùy theo sở thích nên căn cơ có sai khác. Thích Tín căn, nên gọi là Tín; phần nhiều người có trí tuệ các căn đều thù thắng, vì do sở thích nên gọi là Hòa-già-lợi tín căn thù thắng; các căn ấy, Đức Phật đều biết rõ, nên gọi là lực. Đức Phật biết chúng sinh, mỗi người đều có sở thích; sở thích gọi là dục. Như người ưa thích rượu, thì mời rượu qua lại. Đức Phật tùy theo sở thích từng người, đều biết và phân biệt rõ. Nghĩa là chúng sinh ưa thích năm dục, hoặc ưa thích tu đạo; biết như vậy rồi, tùy nghi mà thuyết pháp, nên có thể cứu độ rộng rãi tất cả chúng sinh. Đức Phật biết thế gian có vô lượng chủng tánh; chúng sinh huân tập sở thích lâu ngày, trở thành tánh, như Điều-đạt... đời đời chê bai Phật, tâm ác càng sâu, gọi là tánh ác. Tánh thiện cũng vậy. Hoặc có chúng sinh, từ tánh sinh khởi ham muốn, hoặc tùy duyên hiện khởi. Như Lai đều khéo biết tất cả sở thích và tâm tánh, cho nên gọi là lực. Đức Phật biết rõ đạo nào đưa đến chỗ nào, biết hành đạo này sẽ sinh vào địa ngục, hay sinh lên cõi trời, hoặc biết hành đạo này thì chứng đắc Niết-bàn. Hành nghiệp này, đều từ nguồn gốc của tánh dục sinh ra. Hành nghiệp hữu lậu, nên sinh trong năm đường. Hành nghiệp vô lậu, nên chứng đắc Niết-bàn. Trước chỉ nói đạo, giờ đây mới nói quả đạo. Trước đã nói tổng tướng, nay ở đây nói phân biệt tướng. Có nghiệp như thế, sẽ rơi vào địa ngục, có nghiệp như thế có thể chứng đắc Niết-bàn. Đến địa ngục cũng có sự sai khác. Nghiệp này sẽ rơi vào địa ngục Hoạt, hay nghiệp này sẽ rơi vào địa ngục Hắc thằng. Do đó, Đức Phật ở trong lực thứ bảy, biết rất rõ những nghiệp vi tế; còn người khác, có biết, cũng không phân biệt được; nên gọi là lực. Đức Phật biết

nghiệp quả quá khứ như vậy, gọi là Túc mạng trí lực. Đức Phật biết được con đường tu đạo của chúng sinh đời trước, biết rồi mới thuyết pháp, dựa vào đời trước mà nói pháp, nên gọi là có trí lực. Lại nữa, Đức Phật nhớ rõ tất cả nơi sinh ra thế gian quá khứ, hoặc là ở cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, tự biết được thân mình, cũng biết được thân chúng sinh, nên gọi là lực. Đức Phật với trí tuệ thiên nhãn thấy được ba cõi tương tục trong đời vị lai, biết ba loại nghiệp, bốn loại pháp thọ, cũng được ghi nhận thuyết ra sự biết rõ ràng không bị ngăn ngại, nên gọi là lực. Đức Phật dùng lực lậu tận biết việc tương tục chẳng tương tục. Chúng sinh khi qua đời, hoặc có tương tục, hoặc không tương tục; lực này, đều làm cho tất cả chúng sinh chứng được lực của đạo. Nói tóm lại, là đạo Niết-bàn. Hôm nay, trong mười lực này, phân biệt thuyết giảng rộng rãi. Đức Phật do cấu, tịnh nên có mười lực, được chín lực thì thành tựu trí, được mười lực thì thành tựu đoạn, trí đoạn đầy đủ, nên gọi là Thế Tôn, được trời, người kính trọng.

-----